TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 3 - 2023
V/v Ly hôn giữa chị T, anh T1.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo.
Bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh N.

Ngày 31/3/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh N.
Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã B, huyện Y, tỉnh N.
Bị đơn: Anh Đinh Gia T1 – Sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Y, tỉnh N.
(*Chị T xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đinh Gia T1 kết hôn với nhau vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khi có con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, gia đình hai bên đã nhiều lần tác động hàn gắn nhưng không thành. Chị và anh T1 sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Đinh Gia H, sinh ngày 04/12/2015. Chị đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Gia T1 đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được cho anh T1, chị T. Chị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Ông Đinh Gia T2, bà Bùi Thị T3 (bố, mẹ đẻ anh T1) cho biết*:

Ông, bà xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị T và anh T1 như chị T trình bày. Theo ông, bà vợ chồng anh T1, chị T chung sống với nhau hạnh phúc đến khi có 01 con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quá trình chung sống giữa anh T1, chị T đã xảy ra bất đồng quan điểm, không thống nhất được với nhau trong sinh hoạt hàng ngày. Ông, bà đề nghị giải quyết đơn khởi kiện của chị T theo nguyện vọng của chị T. Gia đình bà và anh T1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T1 nhưng vì lý do bận công việc nên anh T1 không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T được.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Đinh Gia H, sinh ngày 04/12/2015, ông, bà đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T1 không có gì liên quan.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đinh Gia T1 có hộ khẩu thường trú tại huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Y là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T đề nghị xin xét xử vắng mặt; Anh Đinh Gia T1 mặc dù đã được Toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Gia T1 kết hôn với nhau năm 2015, đăng kí kết hôn tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh N trên cơ sở tự

do tìm hiểu tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khi có con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị T, anh T1 đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Anh T1 mặc dù biết được việc chị T xin ly hôn nhưng anh T1 vẫn không đến Tòa án để giải quyết, điều này thể hiện anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị và anh T1 ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh T1 có 01 con chung là Đinh Gia H, sinh ngày 04/12/2015. Chị T đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Cháu H có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cháu H còn nhỏ tuổi rất cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ, bố mẹ đẻ anh T1 đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân anh Huy biết chị T có ý kiến tranh chấp về nuôi con chung nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến về việc nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Gia T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Gia H, sinh ngày 04/12/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị T phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị Hạt đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003903, ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Chị T, anh T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã B;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm